

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng dự án Nhà máy Dệt phẩm và Nhà máy In bao bì DHG; Đầu tư mở rộng Dự án Nhà máy Dệt phẩm và Nhà máy In bao bì DHG thuộc khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A;

Căn cứ quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Quy định quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A;

Căn cứ quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ủy quyền tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án

quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 375342300 cấp lần đầu ngày 16 tháng 8 năm 2010 điều chỉnh lần thứ 10 ngày 23 tháng 04 năm 2024 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang về việc cho Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang thực hiện dự án “Đầu tư mở rộng dự án Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy In Bao bì DHG” tại Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A; tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Công văn số 1347/SXD-QH&ĐT ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Sở Xây dựng Hậu Giang về việc góp ý nội dung phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng dự án Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy In bao bì DHG; Đầu tư mở rộng Dự án Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy In bao bì DHG tại khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang theo Tờ trình số 028/TTr – DHG ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết dự án Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy In bao bì DHG; Đầu tư mở rộng Dự án Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy In bao bì DHG thuộc khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng dự án Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy In bao bì DHG; Đầu tư mở rộng Dự án Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy In bao bì DHG thuộc KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang với nội dung như sau:

1. Tên đồ án: đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng dự án Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy In bao bì DHG; Đầu tư mở rộng Dự án Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy In bao bì DHG thuộc KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Châu Nam Sơn.

2. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch:

- Phạm vi quy hoạch quy mô diện tích 138.974,5 m² thuộc KCN Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Với tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông Nam: giáp đường số 6 khu công nghiệp.
- + Phía Đông Bắc: giáp đất khu công nghiệp.
- + Phía Tây Bắc: giáp sông Ba Láng.
- + Phía Tây Nam: giáp Khu xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

3. Mục tiêu

- Mục tiêu trước mắt:

- + Phù hợp với tiến độ giải phóng mặt bằng trong giai đoạn hiện nay.
- + Phù hợp quá trình hoạch toán và cơ cấu tổ chức của công ty.

- Mục tiêu phát triển lâu dài:

+ Mở rộng quy mô sản xuất, tăng công suất đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh thuốc, hóa dược; Xuất khẩu dược phẩm theo quy định của Bộ Y tế; Nhập khẩu thành phẩm dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu làm thuốc cho người; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chuẩn hóa quy trình từ chế biến cho đến thành phẩm để sản xuất những thành phẩm thật sự có chất lượng. Tiếp tục củng cố, phát triển mạnh và tạo sự bền vững năng lực cạnh tranh của Công ty, đảm bảo cung ứng thường xuyên, kịp thời và đáp ứng kịp thời nhu cầu dược phẩm và bao bì của thị trường hiện tại và tương lai.

+ Xây dựng nhà máy dược phẩm đạt chuẩn GMP toàn cầu cho một số dây chuyền sản xuất nhằm đạt mục tiêu chiến lược kinh doanh.

+ Xây dựng nhà máy Betalactam trên quỹ đất mới tuân thủ với các yêu cầu của EU - GMP, PIC/S - GMP, cách xa xưởng sản xuất Nonbetalactam, không ảnh hưởng tiêu chuẩn cao của Nhà máy Nonbetalactam hiện tại.

+ Đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh hiện tại và tương lai. Đồng thời tạo dấu ấn nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO.

+ Chuẩn hóa quá trình sản xuất thuốc để cho ra các sản phẩm thực sự có chất lượng.

+ Đáp ứng các tiêu chuẩn của các nước nhập khẩu về sản phẩm xuất khẩu đạt chuẩn, nhằm mở rộng xuất khẩu bằng các sản phẩm có chất lượng.

+ Thu hút lao động, giải quyết việc làm trong địa bàn huyện Châu Thành A và các khu vực lân cận.

4. Các chỉ tiêu cơ bản của đồ án:

- Mật độ xây dựng thuần của từng lô đất:

- + Mật độ xây dựng toàn khu: 35%- 65%.
- + Tỷ lệ cây xanh trong khuôn viên lô đất: $\geq 20\%$.

+ Chiều cao xây dựng tối đa $\leq 40m$.

- Chỉ giới xây dựng: cách mặt đường tối thiểu 10m và cách hàng rào xung quanh tối thiểu 5m để đảm bảo yêu cầu phòng cháy chữa cháy.

- Cấp nước:

- + Nước khu vực công trình sản xuất: 20 m³/ha/ng.đ.
- + Nước sinh hoạt công nhân: 60 lít/người/ngày.
- + Cấp nước chữa cháy trong 3 giờ: 130-400 m³/h.

- Cấp điện

- + Nhà máy, kho bãi: 160 KW/ha.
- + Điện chiếu sáng: 5 KW/ha.
- + Chất thải rắn (rác thải): 1,2 kg/người/ngày.

5. Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất điều chỉnh:

STT	Loại đất	Được duyệt QĐ số 1080/QĐ-UBND ngày 17/3/2021		Sau điều chỉnh	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng nhà máy	61.663,48	44,37%	60.652,28	43,64%
2	Đất giao thông - sân bãi	35.562,15	30,04%	45.377,10	32,65%
3	Đất cây xanh	41.748,87	25,59%	32.945,12	23,71%
	Tổng diện tích khu đất	138.974,50	100%	138.974,50	100%

6. Nội dung chi tiết điều chỉnh quy hoạch:

6.1 Lý do điều chỉnh quy hoạch:

- Ngành Dược Việt Nam đang có tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ và được xếp vào nhóm những nước có ngành Dược mới nổi theo phân loại của tổ chức IQVIA. Chất lượng dân số được cải thiện, tăng trưởng kinh tế được duy trì ổn định, thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng, tuổi thọ trung bình được cải thiện đáng kể do những thành tựu phát triển của y học và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện. Chỉ tiêu bao phủ BHYT tiếp tục có bước tăng trưởng ấn tượng chiếm 90,85% dân số vượt chỉ tiêu mà Chính phủ đã đề ra.

- Theo Cục Quản lý dược – Bộ Y tế, tổng giá trị sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được 47% nhu cầu, số còn lại phải nhập khẩu. Xu hướng thay thế thuốc ngoại bằng thuốc sản xuất trong nước đang tiến triển càng lúc càng nhanh tại Việt Nam không thể phủ nhận, xu hướng tăng cường đầu tư đổi mới dây chuyền sản xuất, tuân thủ nghiêm ngặt và có kiểm định chất lượng định kỳ theo các tiêu chuẩn như Japan – GMP, PIC/S – GMP, EU – GMP... và theo khuyến cáo của tổ chức y tế thế giới.

- Dược Hậu Giang là Công ty dược Việt Nam duy nhất nằm trong top 10 dẫn đầu thị trường ngành dược phẩm Việt Nam. Với mục đích mở rộng quy mô sản xuất và xây dựng riêng biệt Nhà máy sản xuất Betalactam với các tiêu chuẩn GMP và theo khuyến cáo của tổ chức y tế thế giới.

- Đồng thời tạo dấu ấn nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã có nhiều công ty lớn sản xuất Dược đạt tiêu chuẩn. Do vậy, việc Công ty xúc tiến đầu tư mở rộng xây dựng Nhà máy đạt tiêu chuẩn là hết sức cần thiết và cấp bách.

- Từ thực trạng đầu tư cho thấy, để đảm bảo cơ sở hạ tầng đáp ứng với nhu cầu và kế hoạch định hướng phát triển của Công ty khi vận hành khai thác toàn dự án. Bên cạnh đó, tiến độ giải phóng mặt bằng trong thời điểm hiện tại không phù hợp với quy hoạch đã được duyệt trước đây.

6.2 Nội dung điều chỉnh quy hoạch:

(1) Khu A điều chỉnh, bổ sung các hạng mục:

- New QC&RD (2A).
- Xưởng Non Betalactam giai đoạn 2 (2B).

- Bổ sung khu xuất nhập Nhà xưởng Non Betalactam (3).
- Bổ sung khu xuất nhập Nhà xưởng (4).
- Khu phụ trợ 1 (10).
- Nhà bơm (11).
- Khu xử lý nước thải giai đoạn 2: (13B).
- Nhà xe 2 bánh (15).
- Phòng xây dựng (21).
- Kho thành phẩm giai đoạn 2 (22B).

(2) Khu B điều chỉnh, bổ sung các hạng mục:

- Xưởng sản xuất CEPHALOSPORIN (hạng mục: 23.1).
- Xưởng sản xuất PENICILLIN (hạng mục: 23.2).
- Khu văn phòng (hạng mục: 23.3).
- Nhà kho (hạng mục: 23.4).
- Mái che xe tải: (hạng mục: 24B, 24C).
- Phòng bơm (hạng mục 26.2).
- Phòng ăn (hạng mục 28.1).
- Khu vệ sinh (hạng mục 28.2).
- Nhà bảo vệ 2 (hạng mục 35).
- Nhà máy xưởng sản xuất dược phẩm 2 (hạng mục 36.1).
- Nhà máy xưởng sản xuất dược phẩm 1 (hạng mục 36.2).
- Các hạng mục phụ trợ (hạng mục 36.3).
- Kho chứa hàng (hạng mục 37).

6.3 Chi tiết các công trình xây dựng

(1) Khu A:

*** Các hạng mục công trình đã thi công, đưa vào sử dụng:**

- **Khu văn phòng + kiểm nghiệm (hạng mục: 1)**
 - + Diện tích xây dựng: $62\text{m} \times 18\text{m} = 1.116\text{m}^2$.
 - + Tầng cao xây dựng: 4 tầng.
 - + Chiều cao công trình: 13,8m.
 - + Được bố trí về phía bên trái khu đất (nhìn từ trục đường số 6) tiếp giáp với trục đường số 6 nhằm tạo điểm nhấn cho toàn bộ khu đất.
 - + Khoảng lùi xây dựng: 8,0m đối với trục đường D1; 3,0m đối với trục đường N1; 3,0m đối với trục đường N2; 2m với trục đường D1A.
- **Nhà xưởng Non Betalactam (Kho nguyên liệu, sản xuất, kho thành phẩm): (hạng mục: 3)**
 - + Diện tích xây dựng: $62,0\text{m} \times 145,0\text{m} = 8.990\text{m}^2$.
 - + Tầng cao xây dựng: 2 tầng.
 - + Chiều cao công trình: 15,5m.

+ Được bố trí phía sau nhà kiểm nghiệm và tập trung về bên trái khu đất (nhìn từ trục Đường số 6), việc bố trí này tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình phát triển các giai đoạn tiếp theo.

+ Khoảng lùi xây dựng: 4,0m đối với trục đường D1A, D4; 3,0m đối với trục đường N1, N2.

- Nhà kho (hạng mục: 4)

+ Diện tích xây dựng: $43,0\text{m} \times 90,0\text{m} = 3.870\text{m}^2$.

+ Tầng cao xây dựng: 2 tầng.

+ Chiều cao công trình: 15,5m.

+ Được bố trí phía sau khu đất kề sau xưởng Non Betalactam.

+ Khoảng lùi xây dựng: 4,0m đối với trục đường số D4, D5; 3,0m đối với trục đường N1, N1A.

- Căn tin (hạng mục: 5)

+ Diện tích xây dựng: 2.566m^2 .

+ Tầng cao xây dựng: 1 tầng.

+ Chiều cao công trình: 9,65m.

+ Được đặt gần các xưởng sản xuất và ở giữa khu đất nhằm phục vụ tốt cho công nhân sản xuất trong các giờ giải lao, ăn uống.

+ Khoảng lùi xây dựng: 6,0m đối với trục đường D3; 7,5m đối với đường D4; 6,0m đối với trục đường N2; 9,5m đối với trục đường N4.

- Khu phụ trợ (hạng mục: 6A)

+ Diện tích xây dựng: $9,0\text{m} \times 56,5\text{m} = 508,5\text{m}^2$.

+ Tầng cao xây dựng: 2 tầng.

+ Chiều cao công trình: 8,3m.

+ Được bố trí ở vị trí phía sau nhà xưởng Non Betalactam và bên phải nhà kho nhằm hỗ trợ một cách thuận lợi nhất đến các nhà xưởng trong quá trình hoạt động sản xuất và phù hợp với giai đoạn xây dựng.

+ Khoảng lùi xây dựng: 4,0m đối với trục đường D4; 4,5m đối với trục đường N1A; 1,0m đối với đường N2.

- Văn phòng cơ điện (hạng mục: 6B)

+ Diện tích xây dựng: $9,0\text{m} \times 24,0\text{m} = 216\text{m}^2$.

+ Tầng cao xây dựng: 2 tầng.

+ Chiều cao công trình: 8,3m.

+ Được bố trí gần với khu phụ trợ (Hạng mục: 6A).

+ Khoảng lùi xây dựng: 11,0m đối với trục đường D5; 4,5m đối với trục đường N1A; 1,0m đối với đường N2.

- Phòng giặt, phơi (hạng mục: 6C)

+ Diện tích xây dựng: $6,0\text{m} \times 30,0\text{m} = 180\text{m}^2$.

+ Tầng cao xây dựng: 1 tầng.

+ Chiều cao công trình: 4,4m.

+ Được bố trí ở vị trí phía sau khu đất nhà xưởng với mục đích thuận lợi trong quá trình giặt phơi và đảm bảo tính mỹ quan trong toàn bộ công trình.

- Trạm hạ thế + tủ điện + máy phát điện (hạng mục: 7)

+ Diện tích xây dựng: $6,0\text{m} \times 32,0\text{m} = 192\text{m}^2$.

+ Được bố trí gần giữa Nhà xưởng Non Beta và nhà kho, đảm bảo quá trình cấp nguồn điện trong quá trình sản xuất được gần nhất.

- Nhà xe 2 bánh nhân viên, công nhân, gửi đồ, trạm bơm, bể nước ngầm: (hạng mục: 8A,8B,8C)

+ Diện tích xây dựng mỗi nhà khu (8A,8B): $5,0\text{m} \times 50,0\text{m} = 250\text{m}^2$ và Khu 8C: $5,0\text{m} \times 40,0\text{m} = 200\text{m}^2$.

+ Tầng cao xây dựng: 1 tầng.

+ Chiều cao công trình: 3,9 m.

+ Nhà xe 2 bánh được xây dựng gần với nhà xưởng với mục đích rút ngắn khoảng cách di chuyển cho công nhân vào hoạt động sản xuất.

- Nhà chứa rác bao bì: (hạng mục: 9)

+ Diện tích xây dựng: $5,0\text{m} \times 20,0\text{m} = 100\text{m}^2$.

+ Tầng cao xây dựng: 1 tầng.

+ Chiều cao công trình: 4,4m.

+ Được bố trí gần cuối khu đất nhằm thu gom và phân loại rác trong quá trình sản xuất.

+ Khoảng lùi xây dựng: 2m đối với trục đường D5.

- Khu vệ sinh công nhân (hạng mục: 12A,12B,12C)

+ Diện tích xây dựng của mỗi nhà: $5,0\text{m} \times 25,0\text{m} = 125\text{m}^2$.

+ Tầng cao xây dựng: 1 tầng.

+ Chiều cao công trình: 4,4m.

+ Được xây dựng gần với nhà xưởng, với mục đích phục vụ cho công nhân trong quá trình hoạt động sản xuất.

+ Khoảng lùi xây dựng: 2,5m đối với trục đường N1.

- Khu xử lý nước thải Beta + Non Beta: (hạng mục: 13A)

+ Diện tích xây dựng: $238,7\text{m}^2$.

+ Được đặt ngầm dưới mặt đất và cuối khu đất nhằm thu gom nước thải, xử lý theo đúng quy định Khu Công nghiệp rồi mới được đầu nối về Trung tâm xử lý nước thải toàn khu của Khu Công nghiệp.

+ Khoảng lùi xây dựng: 3,0m đối với trục đường D5.

- Thủy đài (hạng mục: 14)

+ Diện tích xây dựng: $5,0\text{m} \times 5,0\text{m} = 25\text{m}^2$.

+ Chiều cao công trình: 18,7m.

+ Thủy đài được bố trí gần bể nước ngầm và giữa khu đất nhằm rút ngắn khoảng cách cấp nước, tiết kiệm chi phí đầu tư.

- Nhà bảo vệ: (hạng mục: 16A,16B,16C)

+ Diện tích xây dựng của mỗi nhà (16A,16B): $4,0\text{m} \times 5,0\text{m} = 20\text{m}^2$ và 16C: 23m^2 .

- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 4,4m.
- + Được đặt tại mỗi cổng nhằm kiểm soát các hoạt động ra vào, quá trình xuất nhập hàng của nhà máy.

- Cột cờ (hạng mục: 17)

- + Chiều cao công trình: 7,4m.
- + Được bố trí ở trước nhà văn phòng + kiểm nghiệm và chính giữa làm tăng thêm tính quan trọng cho nhà máy.

- Bồn chứa dầu (hạng mục: 18)

- + Diện tích xây dựng: $5,0\text{m} \times 8,0\text{m} = 40\text{m}^2$.
- + Chiều cao công trình: 4m.
- + Bố trí cuối khu đất và đảm bảo an toàn PCCC.

- Xưởng bao bì (hạng mục: 19)

- + Diện tích xây dựng: 5.322m^2 .
- + Tầng cao xây dựng: 2 tầng.
- + Chiều cao công trình: 15,5m.
- + Được bố trí ở giữa và phía sau của toàn khu đất, việc bố trí này tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp sản phẩm của xưởng Bao Bì trong sản xuất cho các xưởng sản xuất trong toàn nhà máy.

- Nhà kho (hạng mục: 20)

- + Diện tích xây dựng: $20,0\text{m} \times 5,0\text{m} = 100\text{m}^2$.
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 4,35m.
- + Được bố trí ở vị trí phía sau nhà xưởng, nhằm hỗ trợ một cách thuận lợi nhất trong quá trình hoạt động sản xuất của xưởng bao bì.

- Kho thành phẩm (hạng mục: 22A)

- + Diện tích xây dựng: 2.384m^2 .
- + Tầng cao xây dựng: 2 tầng.
- + Chiều cao công trình: 12,8m.
- + Khoảng lùi xây dựng: 2,0m đối với trục đường số D4; 5,0m đối với trục đường N3.

- Mái che xe tải: (hạng mục: 24A)

- + Diện tích xây dựng: 429m^2 .
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 5,0m.
- + Tầng cao: 1 tầng, chiều cao : 5m
- + Được bố trí phía trục đường D2.

*** Các hạng mục công trình điều chỉnh, bổ sung:**

- New QC&RD (hạng mục: 2A)

- + Diện tích xây dựng: $(20,0\text{m} \times 80,0\text{m}) = 1.600\text{m}^2$.
- + Tầng cao xây dựng: 2 tầng.

- + Chiều cao công trình: 15,5m.
- + Khoảng lùi xây dựng: 5,0m đối với trục đường D1; 3,0m đối với đường N2, D1A.

- Xưởng Non Betalactam giai đoạn 2 (hạng mục: 2B)

- + Diện tích xây dựng: $(87,0\text{m} \times 80,0\text{m}) = 6.960\text{m}^2$.
- + Tầng cao xây dựng: 2 tầng.
- + Chiều cao công trình: 15,5m.
- + Khoảng lùi xây dựng: 2,0m đối với trục đường N2; 3,0m đối với đường N2, D1A; 4,0m đối với đường D3.

- Khu xuất nhập Nhà xưởng Non Betalactam (hạng mục: 3)

- + Diện tích: 174m^2 .

- Khu xuất nhập Nhà xưởng (hạng mục: 4)

- + Diện tích khu xuất nhập: 88m^2 .

- Khu phụ trợ 1 (hạng mục: 10)

- + Diện tích xây dựng: $47,0\text{m} \times 37,5\text{m} = 1.762,0\text{m}^2$.
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 4,4m.
- + Khoảng lùi xây dựng: 1,5m đối với trục đường N4; 2,0m đối với đường D3, D4.

- Nhà bơm (hạng mục: 11)

- + Diện tích xây dựng: $6,0\text{m} \times 12,0\text{m} = 72\text{m}^2$.
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 4,4m.
- + Khoảng lùi xây dựng: 13,0m đối với trục đường D1; 3,0m đối với trục đường D1A.

- Khu xử lý nước thải giai đoạn 2: (hạng mục: 13B)

- + Diện tích xây dựng: 150m^2 .
- + Được đặt ngầm dưới mặt đất và cuối khu đất nhằm thu gom nước thải, xử lý theo đúng quy định Khu Công nghiệp rồi mới được đầu nối về Trung tâm xử lý nước thải toàn khu của Khu Công nghiệp.

- + Khoảng lùi xây dựng: 3,0m đối với trục đường D5.

- Nhà xe 2 bánh (hạng mục: 15)

- + Diện tích xây dựng: $8,0\text{m} \times 85,0\text{m} = 680\text{m}^2$.
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 3,9m.

- Phòng xây dựng (hạng mục: 21)

- + Diện tích xây dựng: $13,0\text{m} \times 5,0\text{m} = 65,0\text{m}^2$.
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 4,35m.
- + Được bố trí nằm cạnh nhà kho phía sau xưởng Bao Bì.

- Kho thành phẩm giai đoạn 2 (hạng mục: 22B)

- + Diện tích xây dựng: 2.142m².
- + Tầng cao xây dựng: 2 tầng.
- + Chiều cao công trình: 12,8m.
- + Khoảng lùi xây dựng: 2,0m đối với trục đường số D5; 5,0m đối với trục đường N3.

- Đường nội bộ, sân bãi:

+ Đường nội bộ bao quanh, tiếp cận các hạng mục chính và các hạng mục phụ của nhà máy, nhằm đảm bảo giao thông thuận lợi và đảm bảo các tiêu chuẩn phòng và chữa cháy.

+ Đường nội bộ dự kiến làm bằng đường bê tông nhựa nóng, đánh dốc về 1 phía để thu gom nước mặt. Dùng loại bó vỉa bê tông mác 200.

- + Diện tích: 28.526,10m².

- Cây xanh thảm cỏ:

+ Bố trí cây xanh và thảm cỏ (sử dụng các loại cây xanh có hình thức phù hợp với công trình) vào hai bên đường nội bộ dọc theo công trình để tạo không gian cảnh quan đẹp, gần gũi với thiên nhiên và góp phần cải thiện môi trường.

- + Diện tích: 11.784,30m².

(2) Khu B:

*** Các hạng mục công trình đã thi công, đưa vào sử dụng:**

- Mái đón sảnh văn phòng (hạng mục: 25)

- + Diện tích xây dựng: 8,8m x 16m = 140,8m².
- + Chiều cao công trình: 5,0m.
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Được bố trí phía trước khu văn phòng nhìn ra trục đường số 6.

- Kho hóa chất + chất thải: (hạng mục 27)

- + Diện tích xây dựng: 117m².
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 4,65m.
- + Được bố trí bên phải xưởng sản xuất Penicillin, hướng từ trục đường số 6 nhìn vào.

- Nhà bơm nước sinh hoạt và PCCC: (hạng mục 29)

- + Diện tích xây dựng: 376 m².
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 4,45m.
- + Được bố trí bên phải xưởng sản xuất Penicillin, hướng từ trục đường số 6 nhìn vào.

- Trạm điện (hạng mục 30)

- + Diện tích xây dựng: 253m².
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 5,7m.
- + Được bố trí bên phải xưởng sản xuất Penicillin, tiếp giáp trục đường số 6.

- Cột cờ: (hạng mục 32)

+ Chiều cao: 10,5m.

+ Được bố trí trước xưởng sản xuất Cephalosporin và xưởng sản xuất Penicillin và chính giữa làm tầng thêm tính quan trọng cho nhà máy.

- Bãi xe ô tô: (hạng mục 33)

+ Diện tích xây dựng: 180 m².

+ Được đặt phía trước bên trái xưởng sản xuất Cephalosporin, hướng từ trục đường số 6 nhìn vào.

- Nhà xe 2 bánh (hạng mục 34)

+ Diện tích xây dựng: 368 m².

+ Tầng cao xây dựng: 1 tầng.

+ Chiều cao công trình: 3,5m.

+ Nhà xe 2 bánh được xây dựng gần với nhà xưởng với mục đích rút ngắn khoảng cách di chuyển cho công nhân vào hoạt động sản xuất.

*** Điều chỉnh hạng mục công trình đã thi công, đưa vào sử dụng:**

- Xưởng sản xuất CEPHALOSPORIN (hạng mục: 23.1)

+ Diện tích xây dựng: 2.535,23 m².

+ Tầng cao xây dựng: 2 tầng.

+ Chiều cao công trình: 15,5m.

+ Được bố trí về phía bên phải khu đất (nhìn từ trục đường số 6) tiếp giáp với trục đường số 6 nhằm tạo điểm nhấn cho toàn bộ khu đất.

- Xưởng sản xuất PENICILLIN (hạng mục: 23.2)

+ Diện tích xây dựng: 2.535,23 m².

+ Tầng cao xây dựng: 2 tầng.

+ Chiều cao công trình: 15,5m.

+ Được bố trí về phía bên phải khu đất (nhìn từ trục đường số 6) tiếp giáp với trục đường số 6 nhằm tạo điểm nhấn cho toàn bộ khu đất.

- Khu văn phòng (hạng mục: 23.3)

+ Diện tích xây dựng: 1.292 m².

+ Tầng cao xây dựng: 3 tầng.

+ Chiều cao công trình: 21,2m.

+ Được bố trí phía trước xưởng sản xuất Cephalosporin và xưởng sản xuất Penicillin, nhìn ra trục đường số 6.

- Nhà kho (hạng mục: 23.4)

+ Diện tích xây dựng: 1.600 m².

+ Tầng cao xây dựng: 2 tầng.

+ Chiều cao công trình: 21,2m.

+ Được bố trí phía sau xưởng sản xuất Cephalosporin và xưởng sản xuất Penicillin, nhìn ra trục đường số 2.

*** Các hạng mục công trình điều chỉnh, bổ sung:**

- Mái che xe tải: (hạng mục: 24B, 24C)

+ Diện tích xây dựng: 2x 640m²

- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 5,0m.
- + Tầng cao: 1 tầng, chiều cao : 5m
- + Được bố trí phía các trục đường N9, N10.

- Trạm xử lý nước thải (hạng mục 26.1)

- + Diện tích xây dựng: 220 m².
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 5m.
- + Được bố trí góc phải phía sau xưởng sản xuất Penicillin, hướng từ trục đường số 6 nhìn vào.

- Phòng bơm (hạng mục 26.2)

- + Diện tích xây dựng: 2,0m x 4,0m = 8 m².
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 3,6m. .
- + Được bố trí nằm cạnh trạm xử lý nước thải.

- Phòng ăn (hạng mục 28.1)

- + Diện tích xây dựng: 136,3 m².
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 5m.
- + Được bố trí phía trên bể nước sinh hoạt và bể nước chữa cháy. Được làm bằng vật liệu nhẹ, dễ thi công và dễ tháo dỡ.

- Khu vệ sinh (hạng mục 28.2)

- + Diện tích xây dựng: 49,82 m².
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 5m.
- + Được bố trí gần phòng ăn.

- Nhà bảo vệ 1: (hạng mục 31)

- + Diện tích xây dựng: 23 m².
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 4m.
- + Được đặt phía trước bên phải xưởng sản xuất Penicillin, hướng từ trục đường số 6 nhìn vào.

- Nhà bảo vệ 2 (hạng mục 35)

- + Diện tích xây dựng: 23,8 m².
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 4m.
- + Được đặt phía trước bên trái xưởng sản xuất Cephalosporin, hướng từ trục đường số 6 nhìn vào.

- Nhà máy xưởng sản xuất dược phẩm 2 (hạng mục 36.1)

- + Diện tích xây dựng: 4.278 m².

- + Tầng cao xây dựng: 2 tầng.
- + Chiều cao công trình: 15,5m.
- + Được đặt phía sau bên phải xưởng sản xuất Cephalosporin và xưởng sản xuất Penicillin, nhìn từ trục đường D4.

- Nhà máy xưởng sản xuất dược phẩm 1 (hạng mục 36.2)

- + Diện tích xây dựng: 1.860 m².
- + Tầng cao xây dựng: 2 tầng.
- + Chiều cao công trình: 15,5m.
- + Được đặt phía sau bên phải xưởng sản xuất Cephalosporin và xưởng sản xuất Penicillin, nhìn từ trục đường D4.

- Các hạng mục phụ trợ (hạng mục 36.3)

- + Diện tích xây dựng: 460 m².
- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Chiều cao công trình: 5m.
- + Được đặt góc phía sau bên phải xưởng sản xuất Cephalosporin và xưởng sản xuất Penicillin, nhìn từ trục đường D4.

- Kho chứa hàng (hạng mục 37)

- + Diện tích xây dựng: 2.232 m².
- + Tầng cao xây dựng: 2 tầng.
- + Chiều cao công trình: 15,5m.
- + Được đặt phía sau bên trái xưởng sản xuất Cephalosporin và xưởng sản xuất Penicillin, nhìn từ trục đường D4.

- Đường nội bộ, sân bãi

- + Đường nội bộ bao quanh, tiếp cận các hạng mục chính và các hạng mục phụ của nhà máy, nhằm đảm bảo giao thông thuận lợi và đảm bảo các tiêu chuẩn phòng và chữa cháy.

+ Đường nội bộ dự kiến làm bằng đường bê tông nhựa nóng, đánh dốc về 1 phía để thu gom nước mặt. Dùng loại bó vữa bê tông mác 200.

+ Diện tích: 16.851 m².

- Cây xanh thảm cỏ

- + Bố trí cây xanh và thảm cỏ (sử dụng các loại cây xanh có hình thức phù hợp với công trình) vào hai bên đường nội bộ dọc theo công trình để tạo không gian cảnh quan đẹp, gần gũi với thiên nhiên và góp phần cải thiện môi trường.

+ Diện tích: 21.160,82 m².

7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

7.1 Quy hoạch san nền:

- Khu đất hiện hữu: Đã được san lấp.
- Khu đất mở rộng: Địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc thấp, cao độ trung bình là +0,8m. Khu vực này chủ yếu là đất nông nghiệp, mặt bằng bị chia cắt nhiều vì kênh rạch chằng chịt và các lối đi nhỏ bằng đất.
- Cao độ san nền trung bình: +2,35m.

7.2 Quy hoạch giao thông:

- Độ dốc dọc tối đa của đường : $i_{\max} = 4\%$.
- Độ dốc dọc đường: $i = 0.1\%$
- Độ dốc ngang mặt đường: $i_n = 2\%$.
- Vận tốc tính toán: $V=20-40 \text{ Km/h}$.
- Bán kính cong bó vỉa tại các góc chủ yếu: $R \geq 5m$.
- Cao độ tim đường hoàn thiện: $\geq +2,7m$.
- Hệ thống giao thông nội bộ được thiết kế hợp lý để phục vụ việc đi lại cho các phương tiện giao thông đến từng hạng mục trong khu quy hoạch một cách dễ dàng, thuận tiện nhất.
- Đầu nối 05 điểm giao thông vào đường số 6 của Khu công nghiệp theo đề xuất của nhà đầu tư.
- Quy mô mặt cắt được tính toán và phân chia thành các đường như sau:

BẢNG THỐNG KÊ ĐƯỜNG							
Stt	Tên đường	Mặt cắt	Bề rộng mặt đường			Bề rộng vỉa hè (m)	Chiều dài (m)
			Lòng đường (m)	B trái (m)	B phải (m)		
1	Đường N1	6-6	10	5	5	5,5	106,0
		8-8	12,7	5,2	7,5	3	210,0
2	Đường N1A	1-1	4,5	2,25	2,25	7,5	106,0
3	Đường N2	4-4	8	4	4	5	106,0
		5-5	8,2	4	4,2	6	210,0
4	Đường N3	4-4	8	4	4	9	106,5
5	Đường N4	4-4	8	4	4	11,5	162,0
		10-10	8	4	4	2	162,0
6	Đường D1	3-3	6	3	3	0	219,5
7	Đường D1A	5-5	8,2	4,2	4	3	213,0
8	Đường D3	4-4	8	4	4	10	136,0
9	Đường D4	6-6	10	5	5	4	142,5
		9-9	10	5	5	8	77,0
10	Đường D5	2-2	5	2,5	2,5	3	142,5
		3-3	6	3	3	3	77,0
11	Đường N5	4-4	8	4	4	10	106,5
		4-4	8	4	4	2,5	210,0
12	Đường N6	4-4	8	4	4	6	106,5
13	Đường N7	4-4	8	4	4	6	106,5
14	Đường N8	3-3	6	3	3	2	106,5
15	Đường N9	4-4	8	4	4	6	126,5
16	Đường N10	4-4	8	4	4	4	126,5
17	Đường D1	2-2	5	2,5	2,5	0	123,0

18	Đường D2	7-7	17	8,5	8,5	3,5	101,0
19	Đường D4	6-6	10	5	5	3	130,5
20	Đường D5	2-2	5	2,5	2,5	3	130,5
TỔNG CỘNG							3.550,0

7.3 Quy hoạch cấp nước và PCCC:

7.3.1 Hệ thống cấp nước:

- Hệ thống cấp nước được cung cấp từ hệ thống cấp nước chạy dọc theo đường số 6 của Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh.

- Mỗi khu xây dựng 1 bể nước ngầm dùng để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất. Riêng bể nước ngầm khu B phục vụ chữa cháy của cả dự án. Tại điểm lấy nước có bố trí các van chặn.

- Bố trí 2 cụm bơm, mỗi cụm cho một khu. Hệ bơm cấp nước lên thủy đài được sử dụng để cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của công trình này.

- Tuyến ống cấp nước được bố trí trên vỉa hè, nằm phía trước các lô đất xây dựng công trình để thuận tiện cho việc cung cấp nước vào các công trình. Ống cấp nước chôn sâu 0,5 – 0,8m tính từ mặt đất tới đỉnh ống.

7.3.2 Cấp nước phục vụ PCCC:

- Theo quy định chữa cháy, khu vực này cần lượng nước chữa cháy trong 3 giờ liên tục với khả năng 1 đám cháy xảy ra và lưu lượng 20l/s cho 1 đám cháy. Lượng nước cần dự trữ để chữa cháy tối thiểu: $Q_{cc} = 1 \times 20 \times 3 \times 3,6 = 216 \text{ m}^3$.

7.4 Quy hoạch thoát nước mưa:

- Khu quy hoạch được chia thành hai lưu vực thoát nước: Nước mưa từ mái các công trình được thu bằng các ống đứng thoát nước đầu nối vào các hố ga được bố trí dọc theo hai bên đường nội bộ. Nước mưa từ sân đường nội bộ được thu gom bằng cửa thu của các hố ga được bố trí dọc theo hai bên đường nội bộ. Theo đó, nước mưa được cống dẫn bằng bê tông cốt thép đầu nối ra hệ thống thoát nước mưa trên đường số 6 của KCN Tân Phú Thạnh.

- Đầu nối 04 điểm thoát nước mưa vào hệ thống của KCN trên đường số 6.

- Lưu vực thoát nước mưa được phân chia theo TCVN 7957:2008 trên cơ sở đảm bảo trên cơ sở đảm bảo thoát nước mặt đường, vỉa hè, khu vực của dự án và đảm bảo khả năng đầu nối cho các tuyến cống khác theo quy hoạch.

- Cống thoát nước mưa được tính toán theo nguyên tắc tự chảy, đảm bảo độ dốc đặt cống tối thiểu là $i \geq 1/d$. Độ sâu đặt cống tính từ mặt đất đến đỉnh cống tối thiểu là 500mm.

- Bố trí các hố ga thu nước dọc đường. Khoảng cách giữa các hố ga bố trí theo tiêu chuẩn quy phạm và tùy thuộc vào đường kính cống. Hố ga sử dụng hố ga BTCT, nắp hố ga sử dụng nắp BTCT hoặc Nắp đan gang/thép.

- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng là hệ thống cống BTCT H10-H30.

7.5 Quy hoạch thoát nước thải:

- Đầu nối 02 điểm thoát nước thải vào hệ thống của KCN trên đường số 6.

- Mạng lưới thoát nước thải của khu quy hoạch được thiết kế theo phương án tự chảy, thoát nước riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, được thu gom qua hệ thống ống ngầm và hố ga thu gom.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, được dẫn về trạm xử lý nước thải cục bộ bên trong công trình, sau đó theo mạng lưới cống thoát nước đầu nổi ra hệ thống thoát nước thải chung của KCN Tân Phú Thạnh.

- Nước thải sản xuất: tách biệt hệ thống thoát nước thải ô nhiễm nặng và nước thải ô nhiễm nhẹ sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải cục bộ bên trong công trình. Nước thải sau khi xử lý theo mạng lưới cống thoát nước đầu nổi ra hệ thống thoát nước thải chung của KCN Tân Phú Thạnh.

7.6 Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn cấp điện:

- + Nguồn điện cấp cho Khu quy hoạch tại KCN Tân Phú Thạnh, tỉnh Hậu Giang lấy từ đường dây 22KV chạy dọc theo đường số 6.

- Trạm biến áp:

- + Dự kiến phân phối điện cho Khu quy hoạch mở rộng tại Khu công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, tỉnh Hậu Giang lấy từ 01 Trạm biến áp riêng T3-15KV-22KV/0.4KV- S=2.500 KVA (Xây dựng mới).

- Hệ thống chiếu sáng:

- + Hệ thống chiếu sáng được thiết kế với hệ thống đèn LED tiết kiệm năng lượng và được điều khiển bật, tắt đèn bằng tủ điều khiển tự động.

- + Hệ thống chiếu sáng của Nhà máy được thiết kế cấp đi ngầm. Đèn chiếu sáng giao thông sử dụng đèn LED 120W – 220V IP65.

- + Nguồn cấp điện 220/380V cho chiếu sáng giao thông được lấy từ các tủ điều khiển chiếu sáng.

- + Những khu vực không có tường cao kiên cố, sử dụng đèn loại trụ sắt tráng kẽm. Đèn được lắp trên trụ đèn cao 7 mét cả cần (cần đèn cao 2m độ vươn xa cần đèn 1,5m), khoảng cách giữa các đèn từ 25 đến 30 mét.

- + Đối với khu vực xung quanh nhà xưởng, ưu tiên sử dụng cần đèn sắt tráng kẽm, gắn tường. Cần cao 2m, vươn xa 1.5m.

- + Cấp cáp nguồn chính cho hệ thống chiếu sáng sử dụng cáp 600V – Cu/DSTA/XLPE/PVC 3C-16mm² chôn ngầm trong đất dưới phạm vi vỉa hè.

- + Tiếp đất lặp lại và tiếp đất an toàn: Dùng hệ thống dây đồng trần 16mm² và hệ cọc tiếp địa dài 2,4m nối tiếp đất trung tính và tiếp đất an toàn cho các trụ đèn và tủ điện, $R_{td} \leq 10 \text{ Ohm}$.

7.7 Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Các giải pháp quy hoạch hệ thống TTLL cho dự án dựa trên cơ sở các mạng cáp điện thoại phải đảm bảo được các nhu cầu về sử dụng điện thoại theo từng khu vực và theo từng giai đoạn sao cho dung lượng của các đường cáp không lãng phí, đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của kỹ nghệ thông tin trong những năm tới.

- Tùy theo nhu cầu sử dụng mà dùng các loại cáp có dung lượng khác nhau (tương ứng với dung lượng của các tủ cáp).

- Các tuyến cáp ngầm sẽ được đặt trong ống uPVC đi trong các mương cáp. Tuyến cáp thông tin được bố trí cách các tuyến hạ tầng kỹ thuật khác từ 0,5÷ 1m.

7.8 Xử lý chất thải rắn, rác thải:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Tất cả các chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất được thu gom vào nhà kho phế liệu. Tại đây, các chất thải sẽ được phân loại, loại có khả năng tái sử dụng sẽ được bán cho các cơ sở thu gom phế liệu, loại không có khả năng tái sử dụng sẽ được xử lý bởi đơn vị có chức năng.

+ Nhà máy hiện có 02 kho chứa rác thải thông thường được bố trí tại nhà máy dược phẩm và nhà máy in bao bì (diện tích mỗi kho khoảng 20m²). Kho chứa được xây dựng với kết cấu nền xi măng, mái che và vách đảm bảo tránh được nước mưa chảy tràn vào.

+ Đối với khu nhà xưởng Betalactam xây mới, rác thải sản xuất được chứa tại phòng chứa rác bên trong nhà xưởng, định kỳ được đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý.

- Chất thải nguy hại:

+ Tất cả loại chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của các công trình hiện hữu trong thời gian qua được thu gom vào thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy kín và lưu giữ trong nhà kho riêng biệt dành cho CTNH.

+ Hiện tại, Công ty đã xây dựng 02 kho chất thải nguy hại: 01 kho tại nhà máy dược phẩm (diện tích 80m²), 01 kho tại nhà máy in bao bì (diện tích khoảng 50m²).

+ Đối với khu nhà xưởng betalactam xây mới, công ty sẽ bố trí kho chứa chất thải nguy hại (diện tích 39,2 m²) để thu gom CTNH từ hoạt động sản xuất tại đây.

+ Công ty sẽ ký kết với đơn vị chức năng định kỳ thu gom và xử lý tất cả lượng CTNH lưu chứa trong kho. Hằng năm, gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định hiện hành.

7.9 Quy hoạch cây xanh:

- Cây xanh cảnh quan: 32.945,12m² (tỷ lệ 23,71%)

- Phối hợp các dải cây xanh tạo phong cảnh và cải thiện khí hậu.

- Trong quy hoạch xây dựng nhà máy việc bố trí hài hòa cảnh quan kiến trúc với cây xanh và mặt nước là rất quan trọng. Cây xanh trong khu Quy hoạch không những làm đẹp cảnh quan mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc làm giảm bớt tiếng ồn, phòng chống ô nhiễm, và bảo vệ sức khỏe của nhân viên.

- Cây xanh phân tán được bố trí có tổ chức, đảm bảo cảnh quan khu Quy hoạch và bảo vệ môi trường. Dùng các loại cây phù hợp từng vị trí cụ thể, khoảng cách trồng giữa 2 cây cách nhau liên tục. Nên sử dụng các loại cây có sẵn tại địa phương.

8. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Giải pháp về kỹ thuật:

+ Khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai và nguồn lực tự nhiên.

+ Khai thác sử dụng đất đai: phải thực hiện sử dụng đúng mục đích, quy mô và tiêu chí đã đề ra trong quy hoạch.

+ Khai thác các nguồn lực tự nhiên: khai thác nguồn lực tự nhiên thông qua đầu tư, phát triển phải thực hiện đồng bộ, tập trung đúng theo quy hoạch chuyên ngành, tuân thủ chặt chẽ theo quy trình kỹ thuật, công nghệ và các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Giải pháp về quản lý:

+ Quản lý các nguồn, các tác nhân gây ô nhiễm phát sinh trong quá trình hoạt động khai thác; sử dụng đất đai; các nguồn tự nhiên; quản lý khai thác nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm; quản lý hệ thống thu gom và xử lý nước thải; quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh phát ra tiếng ồn và ô nhiễm không khí.

+ Tổ chức bộ máy quản lý: giáo dục và nâng cao nhận thức, tham gia bảo vệ và gìn giữ môi trường trong cộng đồng người lao động.

- Biện pháp chống ồn và xử lý khí thải

+ Trồng cây xanh, sân vườn để ngăn cản gió bụi và điều hòa nhiệt độ không khí, làm sạch đẹp đô thị.

+ Phân luồng, tuyến giao thông phù hợp, lắp đặt hệ thống biển báo an toàn giao thông, giảm tiếng ồn và giảm lượng khí thải.

Điều 2: Trách nhiệm của chủ đầu tư và đơn vị tư vấn.

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp các nội dung, văn bản, số liệu không trung thực, sai lệch làm ảnh hưởng đến kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật của đồ án này.

+ Tổ chức hệ thống quản lý chất lượng công trình xây dựng và chịu trách nhiệm về chất lượng công trình thuộc dự án theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

+ Thực hiện đúng các quy định về môi trường.

+ Thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy theo quy định trước khi xin giấy phép xây dựng để khởi công dự án.

+ Thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định.

+ Công bố quyết định quy hoạch theo quy định.

+ Tổ chức cắm mốc và bàn giao ranh mốc quy hoạch theo quy định.

+ Việc đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án phải được cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận trước khi thực hiện.

+ Tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của Luật Xây dựng, Luật Đất đai.

- Yêu cầu và kiến nghị của đơn vị tư vấn:

+ Phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng và các số liệu tính toán trong thuyết minh quy hoạch. Cá nhân người chủ trì và các kỹ sư thiết kế hạ tầng kỹ thuật phải chịu trách nhiệm cá nhân về tính đúng đắn và các giải pháp kỹ thuật, tính chính xác và độ tin cậy của các số liệu phục vụ khảo sát, thiết kế những quy định về kỹ thuật bản vẽ và khái toán.

+ Phải thực hiện giám sát tác giả và giải thích những vướng mắc, giải quyết hoàn tất những sai sót giữa hồ sơ thiết kế và thực tế triển khai (nếu có), đồng thời chịu trách nhiệm về các ý kiến, kết luận khi tham gia các nội dung trên.

Điều 3. Quyết định này thay thế nội dung các Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 10/01/2011, Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 15/7/2014, Quyết định số 3946/QĐ-UBND ngày 28/10/2020, Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 17/3/2021, Quyết định số 8881/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND huyện Châu Thành A về việc phê duyệt, điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng dự án Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy In bao bì DHG; Đầu tư mở rộng Dự án Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy In bao bì DHG.

Điều 4. Chánh văn phòng Ban; Lãnh đạo các Phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp; Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang, Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Châu Thành A;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, P.QLĐT, QH&XD.

G:\Quang\QLHSQH\

TRƯỞNG BAN

Trần Ngọc Hùng